

VIỆN CHĂN NUÔI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU GIA CẦM THỤY PHƯƠNG

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT

NUÔI GÀ

LƯƠNG PHƯỢNG HOA



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

**HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT NUÔI
GÀ LƯƠNG PHƯỢNG HOA**

4486-PM

VIỆN CHĂN NUÔI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU GIA CẦM THỤY PHƯƠNG

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT NUÔI GÀ LƯƠNG PHƯỢNG HOA

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI - 2002

LỜI GIỚI THIỆU

Từ năm 1990 trở lại đây chăn nuôi gia cầm ở nước ta đã có những thành tựu đáng khích lệ với tốc độ tăng trưởng đầu con hàng năm đạt 5,66%, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được nâng cao rõ rệt, đặc biệt phương thức sản xuất đang dần chuyển đổi từ chăn nuôi truyền thống lạc hậu, tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hoá.

Các chương trình nghiên cứu giống vật nuôi và gia cầm đã và đang tạo động lực mới cho ngành Nông nghiệp phát triển. Nhiều giống gà năng suất chất lượng cao như gà Lương Phượng Hoa, Kabir, ISA, Ai Cập.... đang được chuyển giao nuôi ở mọi miền đất nước, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập cho nông dân, có tác dụng tích cực đến hiệu quả đổi mới nông thôn.

Để giúp bạn đọc tham khảo vận dụng vào chăn nuôi gia đình đạt hiệu quả, Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương thuộc Viện Chăn nuôi cho gia mắt cuốn: **“Hướng dẫn kỹ thuật nuôi gà Lương Phượng Hoa”** gồm những nội dung về đặc

điểm sinh học, tính năng sản xuất, kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng và các biện pháp thú y phòng trị bệnh.

Quy trình được biên soạn căn cứ kết quả nhiều công trình nghiên cứu khoa học, và kinh nghiệm tốt được tích lũy trong thực tiễn sản xuất và tổ chức quản lý kinh doanh của nhiều hộ nông dân, đã được các nhà chuyên môn góp ý, nhưng chắc chắn không tránh khỏi khiếm khuyết. Song chúng tôi hy vọng sẽ giúp cho người chăn nuôi có thêm tư liệu kỹ thuật để nuôi thả vườn giống gà Lương Phượng Hoa đạt hiệu quả cao hơn nữa, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngành chăn nuôi gia cầm nước ta.

Chúng tôi rất trân trọng tiếp thu sự góp ý của độc giả để lần tái bản được hoàn chỉnh hơn.

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
GIA CẦM THỤY PHƯƠNG**

I. GIỚI THIỆU TÓM TẮT GÀ LƯƠNG PHƯỢNG HOA

Gà Lương Phượng Hoa là một phẩm giống mới, nuôi chăn thả lấy thịt đã được các nhà tạo giống của Xí nghiệp gà Nam Ninh - Quảng Tây - Trung Quốc công phu nghiên cứu và chọn lọc trong thời gian trên 10 năm. Chất lượng gà đã được Ủy ban khoa học thành phố Nam Ninh giám định thông qua kết quả đánh giá tính ổn định đặc điểm di truyền các tính trạng và tính năng sản xuất.

Tên của gà Lương Phượng Hoa lấy từ một địa danh địa phương. Ý nghĩa thực của tên Lương Phượng Hoa toát lên đặc điểm của phẩm giống là cơ thể to, khỏe mạnh, ý nghĩa tinh thần là nuôi gà sẽ mang lại niềm hạnh phúc, giàu có và phú quý cho gia đình.

Đặc điểm ngoại hình của gà Lương Phượng Hoa rất giống với thể hình gà địa phương: mào, tích, tai đều màu đỏ. Gà trống có mào cờ đứng, ngực rộng dài, lưng phẳng, chân cao trung bình, lông đuôi vểnh lên. Gà mái đầu thanh tú, thể hình chắc, rắn chân thẳng, nhỏ. Màu lông đa phần ma hoàng, lông cú sẫm, số ít màu sẫm điểm lông đen rất hấp dẫn với người chăn nuôi và tiêu dùng. Gà giết mổ da màu vàng, thịt ngon, đậm đà như thịt gà địa phương.

Gà Lương Phượng Hoa yêu cầu thức ăn không cao, quản lý nuôi dưỡng đơn giản. Trải qua thời gian dài các nhà chọn giống đã chú trọng chọn lọc tăng sức đề kháng chống đỡ bệnh tật, vì vậy gà dễ thích nghi nuôi trong các điều kiện sinh thái nóng ẩm. Tỷ lệ gà thương phẩm xuất chuồng đều đạt 95% trở lên. Tốc độ sinh trưởng nhanh. Khối lượng cơ thể lúc 70 ngày tuổi đạt 1,5-1,6 kg/con. Tiêu tốn thức ăn/ kg tăng trọng là 2,4-2,6 kg.

Khả năng sinh sản của gà Lương Phượng Hoa rất tốt. Tuổi vào đẻ là 24 tuần, khối lượng cơ thể gà mái đạt 2100 g, gà trống 2700 g. Sản lượng trứng/66 tuần đẻ đạt 171 quả, tỷ lệ phôi đạt 92%, số gà con/mái/năm đạt 133 con.

Với phẩm chất ưu việt như trên gà Lương Phượng Hoa hiện nay đang là giống chủ đạo được ưa chuộng và phát triển nuôi rộng rãi trong khắp mọi vùng của đất nước ta.

II. KỸ THUẬT NUÔI GÀ LƯƠNG PHƯỢNG HOA SINH SẢN

1. Thực hiện biện pháp an toàn sinh học

1.1. Cùng vào cùng ra

Năng suất đẻ trứng sẽ đạt tốt nhất từ đàn gà một giống và một lứa tuổi. Nuôi cùng một lứa tuổi sẽ kiểm soát có hiệu quả sức khỏe đàn giống, giảm đi rất nhiều sự lây nhiễm chéo và từ đó loại trừ khả năng phát sinh bệnh tật. Nếu nuôi không cùng một lứa tuổi sẽ làm cho hiệu quả của chương trình vacxin bị giảm và dẫn đến giảm năng suất đẻ trứng của gà.

Khi hoàn tất một chu kỳ nuôi hay thay đàn khác, chuồng nuôi, khu vực xung quanh và dụng cụ chăn nuôi phải được dọn rửa, sát trùng và giữ trống chuồng trong thời gian tối thiểu 14 ngày mới đưa đàn khác vào.

1.2. Nhân viên

Nhân viên chỉ nên làm việc ở một khu chuồng nuôi. Tốt nhất nhân viên phải tắm gội và thay quần áo trước khi bắt đầu làm việc và trước khi rời khỏi trại. Quần áo bảo hộ, nón mũ thường được sát trùng định kỳ.

ở cửa ra vào mỗi chuồng nuôi phải bố trí chỗ dẫm chân có thuốc sát trùng. Dung dịch thuốc phải đủ ngập giày, ủng và bắt buộc mọi người phải nhúng giày trước khi vào chuồng.

Hạn chế tối đa khách thăm quan. Nếu được phép đi thăm gà họ cũng phải tuân thủ đúng những quy định như nhân viên của trại

1.3. Chim hoang và chuột

Không để chim hoang, các loại gặm nhấm vào chuồng vì chúng là vật mang nhiều mầm bệnh như *Mycoplasma*, *Newcatle*, *hội chứng giảm đẻ*,...

Thường xuyên thực hiện chương trình diệt chuột cho cả bên trong và bên ngoài chuồng gà. Lập quy trình để kiểm soát sự phát triển của côn trùng, vì chúng cũng là vật chủ mang mầm bệnh trực tiếp truyền, lây nhiễm cho gà.

1.4. Xây dựng chuồng trại

Nguyên vật liệu dùng trong xây dựng phải sạch và được sát trùng. Bề mặt tường, trần và nền bằng phẳng, láng bằng xi măng để dễ dọn vệ sinh tẩy uế. Thiết kế mái chuồng rất quan trọng để mùa đông giữ được ấm, mùa hè phản xạ nhiệt của ánh nắng mặt trời giữ được chuồng mát mẻ. Mái hiên có thể nhô ra 1m để giảm lượng ánh nắng chiếu trực tiếp vào chuồng nuôi.

Vị trí chuồng nuôi nên chọn nơi cao ráo, thoáng mát, cách các trại nuôi gia cầm khác càng xa càng tốt nhằm hạn chế tối thiểu mức rủi ro, do lây nhiễm chéo.

1.5. Chuẩn bị chuồng nuôi

Trước khi đưa đàn gà dù lớn hay nhỏ vào nuôi cần phải chuẩn bị mọi điều kiện vật chất kỹ thuật như:

rèm che, cốt quây, chup sưởi, máng ăn, máng uống, chất độn chuồng.

Phải tiêu độc tất cả các thiết bị chuồng trại, dụng cụ kể cả môi trường xung quanh.

1.6. Kinh nghiệm của người chăn nuôi

Khả năng của người tham gia quản lý hay chịu trách nhiệm am hiểu đàn gà rất quan trọng.

Quản lý nuôi dưỡng cũng quan trọng như tiềm năng di truyền, đó là chìa khoá để vươn tới đạt năng suất cao nhất.

Di truyền + quản lý nuôi dưỡng = năng suất

Qua tiếng kêu cũng như cử chỉ của đàn gà chúng cho ta biết được tình trạng sức khoẻ của chúng vì vậy hàng ngày nhất thiết phải kiểm tra đàn gà và ghi nhớ các điểm sau:

+ *Lắng nghe* để phát hiện được những âm thanh bất thường hoặc thiếu vắng âm thanh hàng ngày

+ *Quan sát* để phát hiện được những dáng dấp bất thường, uể oải, ủ rũ hoặc hung hăng

+ *Ngửi* để nhận ra có mùi nặng hay sự kém thông thoáng... Qua kiểm tra hàng ngày cho phép xử lý các

tình huống kịp thời nhằm mục đích chăm sóc tốt đàn gà.

2. Kỹ thuật nuôi giai đoạn gà con, hậu bị (sơ sinh - 23 tuần tuổi)

Thời kỳ nuôi hậu bị là thời gian tạo nền móng cho quá trình vào đẻ sản xuất trứng. Sự xao nhãng, thiếu kỹ thuật nuôi giai đoạn này sẽ gây những tổn thất lớn trong giai đoạn sinh sản.

2.1. Mục tiêu

1. Đạt được khối lượng cơ thể theo bảng chuẩn đặc thù của giống ở các giai đoạn tuổi.

2. Nuôi cho gà phát triển có bộ khung tốt, phát triển hệ cơ tốt mà không tích mỡ.

3. Đàn giống phát triển đồng đều cao. Tỷ lệ cá thể có khối lượng cơ thể nằm trong phạm vi khối lượng trung bình $\pm 10\%$ chiếm 70% trở lên trên tổng đàn.

4. Thành thực về giới tính đúng độ tuổi mà mục tiêu đã đề ra.

5. Có bộ lông phát triển tốt, mượt mà, sáng bóng.

6. Khỏe mạnh, không nhiễm ký sinh trùng, có miễn dịch đủ bảo hộ các bệnh thường xảy ra trong suốt quá trình nuôi hậu bị và đẻ trứng.

2.2. Công tác chuẩn bị nhận gà

- Chuồng nuôi: rửa sạch bằng nước với áp suất cao để cho khô.

Chuồng và dụng cụ chăn nuôi phải tiêu độc bằng chất sát trùng Fomol 3% thường từ 2-3 lần. Trước khi thả gà 1-2 ngày phun tẩy uế lại bằng dung dịch Fomalin 3% và đóng kín các cửa sổ lại. Sau khi phun 5 giờ mở cửa cho thông thoáng bay hết mùi rồi mới cho gà vào.

- Chất độn chuồng: sử dụng phoi bào, trấu hoặc rơm băm nhỏ. Chất độn phải khô ráo, không mốc và đã được tiêu độc.

- Mật độ nuôi dưỡng: 15-20 con/m²; máng ăn 50 con/máng ăn; máng uống 50 con/ máng uống.

2.3. Ủm gà

Nên tạo điều kiện sống tốt cho gà ngay từ đầu. Thường gà được vận chuyển một chặng đường dài nên cần nhanh chóng đưa ngay vào chuồng nuôi gột.

Chuồng nuôi cần phải sạch sẽ, ấm áp, máng ăn, máng uống sẵn sàng.

2.4. Yêu cầu nhiệt độ chuồng nuôi gột

Bảng 1. Nhiệt độ tại vùng úm phải phù hợp với độ tuổi gà con ($^{\circ}\text{C}$)

Ngày tuổi	Chuồng có chụp sưởi ấm		Nhiệt độ chuồng nuôi bằng hơi ấm
	Nhiệt độ tại chụp úm	Nhiệt độ chuồng nuôi	
0-3	38	28-29	31-33
4-7	35	28	31-32
8-14	32	28	29-31
15-21	29	25	28-29
22-24		25-28	25-28
25-28		22-25	22-25
29-35		21-22	21-22
Sau 35 ngày		18-21	18-21

Từ ngày 22-28 cần chú ý đến tốc độ mọc lông ở gà để điều chỉnh nhiệt độ cho thích hợp.

Gà con không tự điều chỉnh thân nhiệt trong 2 tuần đầu do vậy việc giữ ấm theo nhu cầu sinh lý trong các tuần tuổi đầu mới xuống chuồng rất quan trọng. Nếu không đảm bảo đủ nhiệt độ, tỷ lệ nuôi sống, khả năng sinh trưởng sẽ bị ảnh hưởng các bệnh hô hấp, tiêu hoá dễ phát sinh.

Thiết bị sưởi ấm: có thể dùng bóng điện, bóng hồng ngoại ở những nơi có điện hoặc đèn thấp sáng, bếp than, lò ủ trấu ở vùng sâu vùng xa.

Trong quá trình nuôi phải quan sát phản ứng của gà đối với nhiệt độ.

Nếu gà tập trung gần nguồn nhiệt, chen lấn chồng đống lên nhau là chuồng nuôi không đủ nhiệt độ gà bị lạnh.

Nếu gà tản xa nguồn nhiệt nháo nhác, khát nước, há mỏ để thở là bị quá nóng cần phải điều chỉnh giảm nhiệt độ.

Nếu gà tụm lại một phía là bị gió lùa rất nguy hiểm, cần phải che kín hướng gió thổi

Khi đủ nhiệt gà vận động ăn uống bình thường, ngủ, nghỉ tản đều.

2.5. Quay úm

Trong thời gian úm, để tập trung nguồn nhiệt, tránh gió lùa sử dụng các tấm cốt quay với chiều cao 50 cm, mỗi quay có đường kính 1,5 - 2 m nuôi gột 120 - 200 con. Từ ngày thứ 5 tăng diện tích vùng quay để gà có thể di chuyển một cách thoải mái đến máng ăn, máng uống.

Mùa nóng có thể bỏ quay từ ngày 14 để chúng tự do chạy khắp chuồng úm, điều này khuyến khích gà con được ăn tự do và sẽ phát triển nhanh.

2.6. Cho uống

Nước là nhu cầu đầu tiên của gà khi mới xuống chuồng. Nước cung cấp cho gà uống không được lạnh, tốt nhất là hơi ấm (khoảng 18-21°C) trong 2 ngày đầu. Để tăng sức đề kháng trong những ngày đầu có thể pha vào nước 5g đường Glucora + 1g vitamin C/1lít nước uống.

Sử dụng chụp nước uống tự động bằng nhựa 3,5-4lít cho 50-100 gà con. Vị trí đặt máng uống phải bố trí cho gà con dễ tiếp cận không bị máng ăn che khuất. Tốt nhất nên sử dụng máng uống bằng vật liệu có độ sáng bóng để hấp dẫn gà tới máng. Tuân thủ cho gà uống nước trước, sau 2 giờ mới cho thức ăn.

2.7. Cho ăn

Sau khi gà đã được uống nước 2 giờ thì mới cho chúng ăn. Thường cho ăn theo bữa. Thức ăn được đổ vào nhiều khay để tránh sự tranh giành thức ăn giữa các con trong đàn.

Chỉ nên cung cấp một lượng thức ăn nhỏ và sẽ cấp bổ sung khi gà ăn hết thức ăn. Tránh cấp lượng thức ăn lớn gà không ăn hết dẫn đến ôi thiu mất tính thềm ăn của gà. Hơn nữa thức ăn cho nhiều dẫn đến rơi vãi lẫn với chất độn chuồng, gây xuất hiện nấm mốc, hậu quả gà ăn vào sẽ ảnh hưởng đến khả năng tăng trưởng.

Máng ăn: 1-3 ngày đầu có thể dùng giấy xi măng, giấy báo cũ trải lên chất độn chuồng để gà dễ ăn và phòng nhiễm trùng rốn. Trong 1-3 tuần đầu sử dụng khay ăn bằng tôn, nhựa với kích thước 3 x 50 x 80cm cho 100 gà con. Sau 3 tuần nên thay máng ăn dài hoặc máng P50 cho hợp vệ sinh. Chiều dài máng ăn bình quân/ gà cần phải đảm bảo:

Tuần tuổi	Khoảng cách (cm/con)
1-2	3-4
3-5	4-5
6-8	6-7

Khi dùng máng treo cần phải thường xuyên điều chỉnh độ cao ngang vai gà để gà ăn một cách thoải mái và tránh bị rơi vãi thức ăn.

2.8. Thông gió

Chuồng úm gà 1 ngày tuổi phải che kín, sự thay đổi không khí gần như bằng không. Khoảng 3 ngày sau cần phải thay đổi không khí với tốc độ 0,2 m/giây để tránh bị ẩm thấp, ngột ngạt làm gà chậm phát triển. Thật vậy điều kiện ngột ngạt có thể làm cho bệnh tật phát sinh, các bệnh ký sinh trùng bao gồm bệnh cầu trùng phát triển mạnh trong điều kiện ẩm ướt. Không khí chuồng nuôi chứa nhiều NH_3 , H_2S để phát sinh các bệnh đường hô hấp...

2.9. Mật độ đàn

Tùy thuộc vào điều kiện chuồng nuôi, mùa vụ, khí hậu mà quyết định mật độ đàn nuôi. Xin lưu ý trong điều kiện tất cả các yếu tố khác là thích hợp thì mật độ càng thấp sẽ cho khả năng tăng trưởng càng cao và tỷ lệ nhiễm bệnh càng thấp.

Mật độ nuôi:

- Nuôi nền sử dụng chất độn

1-7 tuần tuổi	15-20 con/ m^2
8-20 tuần tuổi	7-10 con/ m^2

>20 tuần tuổi 3,5 - 4 con/ m²

- Nuôi trên sàn

1-3 tuần tuổi 40-50 con/m²

4-12 tuần tuổi 10-12 con/m²

2.10. Cường độ chiếu sáng

Gà con cần chiếu sáng 24/24 giờ từ 1-3 tuần tuổi. Từ 4-6 tuần tuổi giảm dần xuống còn 16h/ ngày; 7-18 tuần chiếu sáng 8h/ngày, giai đoạn này thông thường nuôi trong hệ thống chuồng mở chỉ sử dụng ánh sáng tự nhiên là đủ.

Bảng 2. Yêu cầu ánh sáng

Tuần tuổi	Thời gian (h)	Cường độ (lux)
0-2	24h	30-40
3-8	16h	20-30
9-14	8h (ánh sáng tự nhiên)	10-20
15-20	8h ánh sáng tự nhiên	5-10
> 21	16h	10-20

* Ở những nơi gà được nuôi trong hệ thống chuồng thông thoáng tự nhiên thì cần giảm cường độ ánh sáng xuống dưới 30 lux.

2.11. Cắt mỏ

Áp dụng cho những cơ sở chăn nuôi hiện đại.

- Cần phải cắt mỏ gà mái để tránh làm bị thương gà trống ở trong giai đoạn đẻ. Thông thường việc cắt mỏ được tiến hành khi gà đạt 10 ngày tuổi, tuyệt đối không được sớm hơn, có thể làm muộn hơn nhưng không quá 14 tuần tuổi.

Khi mỏ bị cắt nó còn rất mềm và gà bị stress mạnh. Nếu tình trạng sức khỏe gà không được tốt thì việc cắt mỏ có thể hoãn lại hoặc không được cắt vào cùng thời gian xử lý vacxin mạnh (vacxin uống). Nước uống có thể cho tăng thêm vitamin và luôn có sẵn, bề dày lớp thức ăn trong máng cũng được tăng lên.

Sau khi cắt mỏ cho gà ăn thức ăn dạng bột là tốt nhất.

Việc cắt mỏ phải được giám sát chặt chẽ và sử dụng những thiết bị được bảo dưỡng tốt do những công nhân có tay nghề làm. Đặc biệt quan trọng là cắt mỏ bằng phương pháp đốt để hàn ngay vết cắt và tránh cho mỏ không mọc trở lại.

2.12. Nước uống

Nước uống cho gà cần có chất lượng tốt và phải được cấp thường xuyên. Bồn chứa và ống dẫn phải vô trùng hoặc thực hiện rửa sát trùng đúng thời hạn.

Bảng 3. Lượng nước tiêu thụ tốt cho sức khỏe của gà từ 4 tuần tuổi trở đi trong môi trường nhiệt độ 18-21 °C

Tuần tuổi	Mức tiêu thụ nước lít/1000 con/ngày	Tuần tuổi	Mức tiêu thụ nước lít/1000 con/ngày
1	-	11	117
2	-	12	124
3	45	13	129
4	55	14	134
5	64	15	139
6	72	16	145
7	82	17	148
8	90	18	164
9	99	19	177
10	107	20	205

Tiêu thụ nước uống sẽ thay đổi phụ thuộc vào sự tiêu thụ thức ăn, nhiệt độ môi trường, khối lượng cơ thể và tình trạng sức khỏe. Trong điều kiện khí hậu nóng nực lượng nước tiêu thụ tăng nhiều gấp đôi.

Cần thiết phải quan tâm xác định lượng nước uống trên cơ sở đó đánh giá sự phát triển của đàn gà. Mọi thay đổi bất thường về lượng nước tiêu thụ phải được xem xét ngay. Nếu lượng nước uống tiêu tốn bất hợp lý sẽ dẫn đến bất hợp lý trong tiêu tốn thức ăn và hậu quả là gà phát triển chậm. Do vậy trong chăn nuôi tiên tiến người ta xem nước uống là nền tảng hơn thức ăn.

2.13. Tổng quát chung về cho ăn

Thông thường ở giai đoạn gà con cho ăn tự do. Tuy nhiên chú ý đảm bảo máng ăn phân phối đều khắp chuồng và đổ đều thức ăn, lưu ý khoảng cách giữa 2 lần cho ăn. Đổ thức ăn vào máng thích hợp và không để máng trống quá lâu.

Kinh nghiệm cho ăn hợp lý cho thấy nên đổ đầy máng ăn vào đầu buổi sáng và cuối ngày, giữ máng ăn rỗng thức ăn ở giữa ngày. Việc cung cấp thức ăn vào cuối ngày là cần thiết, vừa để cho gà không bị đói vào

ban đêm, lại còn kích thích sự thèm ăn và tính ngon miệng vào ban ngày.

Chú ý:

- Không đồ thức ăn quá dày để làm cho gà bối, vắng thức ăn ra nền gây lãng phí

- Độ dày thức ăn trong các loại máng ăn cần kiểm soát chặt chẽ. Giảm độ dày thức ăn trong máng không làm giảm mức ăn của gà.

- Nên ghi chép số lượng thức ăn tiêu thụ, số lượng này nên bằng với lượng thức ăn khuyến cáo trong bảng “*Lượng thức ăn tiêu thụ và thể trọng*”, lượng thức ăn ăn vào luôn luôn được cân đối theo khối lượng đạt được so với chuẩn.

- Nếu gà hậu bị cân nặng hơn so với khối lượng chuẩn là 100g (là điều bất thường) thì cần kiểm soát hàm lượng chất dinh dưỡng trong khẩu phần.

- *Chú ý:* khi gà hậu bị được 14 tuần tuổi trở lên thì dừng để lượng dưỡng chất ăn vào bị giảm.

- Kiểm soát lượng dưỡng chất ăn vào bằng cách cho ăn khẩu phần có hàm lượng dinh dưỡng thấp hoặc giới hạn định lượng thức ăn được ăn vào. Nuôi chuẩn thì trong suốt quá trình nuôi sinh trưởng và hậu bị dù thể

nào đi nữa cũng không nên để giảm mức ăn vào các ngày tuổi kế tiếp sau.

2.14. Trọng lượng và tuổi thành thực

Nếu gà hậu bị thành thực sớm hơn dự định 22-23 tuần tuổi thì phải điều chỉnh thể trọng từ lúc 15-17 tuần tuổi để đạt khối lượng cơ thể 2000g khi đẻ quả trứng đầu tiên.

Hiện tượng thành thực sớm thường xảy ra ở những vùng có khí hậu nóng hoặc vụ xuân hè, ở nơi nuôi với hệ thống chuồng trại mở, áp dụng chương trình chiếu sáng tự nhiên. Cũng có thể xảy ra khi nuôi trong hệ thống chuồng kín không được kiểm soát chế độ chiếu sáng chặt chẽ.

2.15. Ảnh hưởng của nhiệt độ đến nhu cầu thức ăn

Nhiệt độ môi trường có ảnh hưởng đến nhu cầu về năng lượng duy trì.

Gà được nuôi dưỡng trong môi trường nhiệt độ thấp hơn 21°C sẽ cần nhiều năng lượng hơn để duy trì cơ thể sống. Khi nhiệt độ trên 21°C nhu cầu về năng lượng duy trì sẽ giảm đi.

Bảng 4. Khi nuôi gà ở những điều kiện không phải 21°C thì có thể điều chỉnh lượng thức ăn hàng ngày theo bảng sau

Tuần tuổi	Tăng Kcal/ngày/°C	Tăng hoặc giảm lượng thức ăn /ngày theo bảng thức ăn chuẩn (g)				
		14°C	16°C	18°C	22°C	24°C
8	1,1	+ 2,5	+ 1,6	+ 0,8	- 0,8	- 1,6
10	1,4	+ 3,2	+ 2,1	+ 1,1	- 1,1	- 2,1
12	1,8	+ 3,9	+ 2,6	+ 1,3	- 1,3	- 2,6
14	2,2	+ 4,8	+ 3,2	+ 1,6	- 1,6	- 3,2
16	2,5	+ 5,4	+ 3,6	+ 1,8	- 1,8	- 3,6
18	2,7	+ 6,0	+ 4,0	+ 2,0	- 2,0	- 4,0
20	3,2	+ 7,2	+ 4,8	+ 2,4	- 2,4	- 4,8

Chú ý: Khi cho gà tự do , nếu nhiệt độ môi trường thay đổi 1°C thì lượng thức ăn tiêu tốn sẽ thay đổi khoảng 1% tỷ lệ nghịch với thay đổi nhiệt độ.

- Ở những vùng nóng ẩm , khó đạt được khối lượng chuẩn hơn do tính thèm ăn giảm.

2.16. Thức ăn nuôi gà

Mục tiêu cơ bản là gà phát triển tốt đạt được khối lượng chuẩn. Điều này chỉ có thể đạt được khi sử dụng khẩu phần ăn phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng của gà.

Bảng 5. Tiêu chuẩn nuôi dưỡng

Tuần tuổi Thành phần	1-5	6-13	14-20	21-23	Sinh sản
Protein (%)	21-22	15-15,5	14,5	16-17	16-17
Năng lượng (kcal/kg)	2900	2600- 2700	2500- 2600	2600- 2650	2700- 2750
Xơ	3,5	4,5	5-6	3,5-4,5	3,5
Canxi	1,1	1,1	1,1	1,8	3,5
Phot pho	0,7	0,7	0,7	0,7	0,7
NaCl	0,35	0,35	0,35	0,35	0,35
Lizin	1,10	0,78	0,75	1,10	1,19
Methionin	0,34	0,30	0,30	0,40	0,44
Chế độ ăn	Tự do	Hạn chế	Hạn chế	Hạn chế	Theo tỷ lệ đẻ

Nên cho gà ăn khẩu phần đảm bảo chế độ dinh dưỡng theo hướng dẫn ở mỗi giai đoạn.

Đến cuối mỗi giai đoạn cần kiểm tra gà. Nếu không đạt khối lượng chuẩn thì tiếp tục sử dụng loại khẩu phần đang ăn cho tới khi đạt chuẩn. Đồng thời phải xác định được nguyên nhân làm gà kém tăng trưởng và thực hiện các biện pháp ngăn ngừa tái diễn.

**** Mức năng lượng***

Cần nhận thức rằng nếu mức năng lượng trong thức ăn nuôi hậu bị quá thấp gà sẽ ăn nhiều hơn để đáp ứng nhu cầu về năng lượng. Do đó tính thèm ăn của gà sẽ rất cao.

Chú ý: Mức tiêu thụ thức ăn cao gà đã quen kéo dài trong suốt thời kỳ đẻ trứng sẽ làm gà nhanh béo và giảm đẻ. Mặt khác nếu được cung cấp quá nhiều năng lượng trong thức ăn nuôi hậu bị thì tính thèm ăn giảm xuống, gà có thể ăn ít trong giai đoạn đẻ trứng. Vì vậy sẽ không đáp ứng nhu cầu năng lượng cho thời kỳ này, gà sẽ không đạt được năng suất đẻ trứng đỉnh cao.

Vì vậy mức năng lượng trong thức ăn giai đoạn tăng trưởng và thức ăn tiền đẻ cần phải cân đối thấp hơn so với thức ăn giai đoạn gà đẻ.

*** Protein**

Protein cần thiết cho tăng trưởng và ở chừng mực nhất định, lượng protein trong khẩu phần ăn càng cao thì sự tăng trưởng càng nhanh. Tuy nhiên cần phải duy trì cân bằng hợp lý giữa protein và năng lượng nếu không sự tăng trưởng sẽ gặp trở ngại.

2.17. Hướng dẫn cho ăn và kiểm soát khối lượng cơ thể

Bảng 6. Khối lượng cơ thể chuẩn cân đạt và lượng thức ăn hàng ngày/con

Tuần tuổi	Lượng thức ăn g/con/ngày	Khối lượng cân đạt (g)
1-5	Tự do	
6	47	600
7	49	700
8	55	800
9	60	900
10	67	1000
11	75	1100
12	83	1200
13	88	1300
14	92	1400
15	95	1500

Bảng 6 (tiếp)

Tuần tuổi	Lượng thức ăn g/con/ngày	Khối lượng cần đạt (g)
16	98	1600
17	103	1700
18	110	1800
19	115	1850
20	115	1900
21	120	2000
22	125	2100
23	125	2200

3. Kỹ thuật nuôi gà đẻ (từ 22-66 tuần tuổi)

3.1. Chuyển gà lên chuồng đẻ

Khi chuyển gà đẻ bị stress. Vì vậy có thể nuôi giữ cả đàn từ lúc 1 ngày tuổi cho đến hết một đời gà trong một chuồng nuôi.

Hai tuần trước khi chuyển chuồng cần điều chỉnh cường độ ánh sáng trong chuồng nuôi hậu bị tương thích với cường độ ánh sáng trong chuồng nuôi gà đẻ.

Trong vòng 2 tuần trước khi bắt đầu vào đẻ, gà phải được chuyển hết sang chuồng gà đẻ để đủ thời gian phục hồi do ảnh hưởng stress bởi vận chuyển. Cố gắng vận chuyển càng nhanh càng tốt, vận chuyển vào thời điểm mát trời, ban đêm...

Thức ăn và nước uống cần có sẵn trong máng trước khi gà vận chuyển tới.

Gà trống cần phải được vận chuyển cùng thời gian với gà mái và chon lọc bắt từng con một. Cần loại thải những con yếu và bị sây xát.

3.2. Mật độ

Mật độ tính chung cho cả gà trống và gà mái cần 3,5 - 4con/m²

Mật độ thấp áp dụng đối với khí hậu nóng ẩm và nuôi nền.

Mật độ cao áp dụng mùa lạnh khô, nuôi trên sàn.

Để duy trì mật độ nuôi nền chia thành các ô nuôi từ 300-500con/ô. Điều này sẽ tránh dồn gà vào các đầu chuồng có thể gây lên mật độ cục bộ không đồng đều trong chuồng.

3.3. Bố trí máng ăn, máng uống

Nếu máng ăn, máng uống đủ và bố trí đều thì sẽ giảm thiểu hiện tượng mổ cắn nhau.

Đối với mùa nóng, nhiệt độ môi trường cao phải cung cấp nhiều máng ăn, máng uống hơn so với mùa lạnh, khô.

Nhu cầu máng ăn	Mùa nóng	Mùa lạnh
+ Máng dài (cm/con)	12cm	10cm
+ Máng tròn (máng/100con)	6	5

<i>Nhu cầu nước uống:</i>	Mùa nóng	Mùa lạnh
+ Máng dài (cm/con)	6 cm	5 cm
+ Máng treo (con/máng)	50 con	70 con
+ Máng núm (con/núm)	6 con	8 con

3.4. Nước uống

Việc cung cấp nước rất quan trọng. Cơ thể gà dự trữ một lượng nước rất nhỏ. Nước uống mát sẽ có tác dụng kích thích gà ăn tốt hơn.

Mức độ tiêu thụ nước cho 1000 gà mái đẻ/ngày như sau:

Nhiệt độ	Tiêu thụ nước
15-21 °C	250-400 lít
21-25 °C	400-500 lít
27-33 °C	500-700 lít
> 35°C	> 700 lít

3.5. Thức ăn

Thức ăn nên áp dụng khẩu phần ăn gà đẻ ngay khi chuyển gà lên chuồng đẻ. Khi vận chuyển gà tới do bị stress lượng thức ăn tiêu thụ sẽ giảm. Vì vậy trong giai đoạn đầu cần thức ăn mới, tươi ngon, hàm lượng dinh dưỡng có thể cao hơn để gà tiếp tục phát triển khi tiêu thụ ít thức ăn.

*** Năng lượng**

Năng lượng trong khẩu phần ăn tùy thuộc vào nhiệt độ chuồng nuôi. Nhiệt độ chuồng nuôi càng cao thì nhu cầu năng lượng càng thấp.

*** Protein và axit amin**

Giai đoạn đẻ pha I (23-42 tuần tuổi) nhu cầu về protein lớn hơn giai đoạn đẻ pha II (42-68 tuần tuổi). ở pha I mức protein và axit amin trong khẩu phần ảnh hưởng lớn đến khối lượng trứng. ở pha II sẽ kinh tế hơn nếu khống chế khối lượng trứng bằng việc giảm mức protein và axit amin trong thức ăn.

*** Can xi và photpho**

Nhu cầu về can xi tăng lên theo tuổi của gà và tỷ lệ đẻ. Nhưng điều này không xảy ra đối với nhu cầu về photpho.

Mức photpho hấp thụ nên giảm đi vào giai đoạn sau của thời kỳ đẻ trứng.

*** Nguyên tố vi lượng và vitamin**

Những thành phần này đặc biệt quan trọng trong thức ăn gà đẻ trứng giống vì ảnh hưởng đến tỷ lệ ấp nở và nuôi sống gà con.

Bảng 7. Nhu cầu vi lượng và vitamin bổ sung trong khẩu phần gà đẻ

Nguyên tố vi lượng	Đơn vị	Số lượng/kg thức ăn
Mn	mg	100
Zn	mg	100
Fe	mg	65
I	mg	1
Cu	mg	7,5
Co	mg	0,4
Se	mg	0,5
Vitamin bổ sung		
Vitamin A	UI	13.000
Vitamin D ₃	UI	3.000
Vitamin E	mg	35
Vitamin K ₃	mg	2,0
Vitamin B ₁	mg	2,2
Vitamin B ₂	mg	6,6
Vitamin B ₆	mg	3,0
Vitamin B ₁₂	mg	0,025
Niacin	mg	40
Canxi Patothenate	mg	13
Axit Folic	mg	1,0
Biotin	mg	0,15

*** Tính ngon miệng của thức ăn:**

- Thức ăn ngon là:
- Tươi mới
 - Không có nấm mốc
 - Không có mùi lạ
 - Độ mịn đều
 - Lượng bột mịn rất ít

Chú ý: khi nghiền ngũ cốc nên tạo ra lượng dạng hạt, mảnh tối đa và lượng bột bụi tối thiểu.

3.6. Khuyến cáo định lượng thức ăn/ ngày cho gà đẻ trứng

Bảng 8. Khuyến cáo lượng thức ăn/ ngày cho gà đẻ trứng

Tuần tuổi	Thức ăn (g)	
	g/con/ngày	Thức ăn/con/tuần (g)
22	130	910
23	135	945
24	140	980
25	140	980
26	140	980
27	140	980
28	140	980
29	140	980
30	140	980
31	140	980
32	140	980
33	140	980
34	138	966
43	135	945
51	132	924
59-60	130	910

3.7. Tỷ lệ đẻ, năng suất trứng và tỷ lệ phôi gà Lương Phượng Hoa

Bảng 9. Tỷ lệ đẻ, năng suất trứng và tỷ lệ phôi gà Lương Phượng Hoa

Tuần tuổi	Tỷ lệ đẻ (%)	Tổng trứng (quả)	Tỷ lệ chọn ấp (%)	Trứng làm giống (quả)	Tỷ lệ phôi (%)
23	13	0,9	0	0	0
24	39,9	3,7	15	0,6	80
25	60,8	8,0	60	3,6	85
26	74,5	13,1	85	7,9	92
27	74,5	18,3	83	12,2	96
28	81,4	24,0	89	17,3	97
29	79,8	29,6	93	22,6	97
30	78,4	35,1	90	27,6	97
31	75,0	40,4	90	32,4	97
32	72,4	45,5	90	37,0	97
33	69,9	50,4	90	41,4	97
34	70,0	55	90	45,8	97
35	68,9	51,8	90	50,2	96

Bảng 9 (tiếp)

Tuần tuổi	Tỷ lệ đẻ (%)	Tổng trứng (quả)	Tỷ lệ chọn ấp (%)	Trứng làm giống (quả)	Tỷ lệ phôi (%)
36	67,7	64,5	92	54,6	96
37	66,6	69,2	91	58,9	66
38	65,0	73,8	91	63,1	95
39	62,7	78,2	93	67,2	95
40	61,9	82,5	93	71,2	95
41	61,3	86,8	93	75,2	95
42	60,3	91	95	79,4	94
43	58,7	95,1	95	83,6	94
44	58,2	99,2	95	87,5	93
45	57,1	103,2	95	91,3	92
46	56,1	107,1	95	95,6	92
47	56,1	111,0	95	98,7	92
48	53,9	114,8	95	102,8	91
49	53,0	118,5	95	107,8	91
50	53,1	122,2	95	111,2	91
51	53,8	126	95	114,6	91

Bảng 9 (tiếp)

Tuần tuổi	Tỷ lệ đẻ (%)	Tổng trứng (quả)	Tỷ lệ chọn ấp (%)	Trứng làm giống (quả)	Tỷ lệ phôi (%)
52	55,6	129,8	92	118,2	90
53	54,4	133,7	92	121,5	90
54	54,4	137,5	92	125	90
55	51,4	141,1	92	128,3	90
56	50,2	144,6	59	131,6	90
57	53,3	148,3	95	135,1	90
58	51,5	151,9	95	138,5	90
59	50,7	155,4	95	141,8	90
60	47,6	158	95	145,1	90
61	46,4	162	90	148,1	90
62	46,7	165	90	151,1	90
63	44,0	168,4	90	154,9	89
64	40,0	171,2	90	156,9	89
65	40,7	174,1	90	159,1	89
66	41,4	177	90	161,7	89

3.8. Chăm sóc gà trống

Gà trống thành thực về tính sớm hơn gà mái. Gà trống bắt đầu đập mái từ 21 tuần tuổi. Điều quan trọng là số lượng gà trống sẽ giảm đi sau khi gà đã thành thực hoặc đập mái quá nhiều. Tỷ lệ ghép trống/mái thường từ 1/8 - 1/10.

Cần quan sát kỹ những con gà trống, loại bỏ ngay những con ngả mào, yếu. Đặc biệt những con gà trống hay đậu trên nóc ổ đẻ hoặc vào nằm trong ổ đẻ vì đây là những con nhút nhát không đập mái chỉ gây cản trở và có thể làm bẩn, vỡ trứng trong ổ.

3.9. Ổ đẻ

Ổ đẻ phải được phân bố đều trong chuồng nuôi. Lý tưởng ổ đẻ được đặt giữa chuồng để khoảng cách mỗi gà tới ổ đẻ đều là 5m.

Số lượng đủ mỗi ổ cho 5 gà để tránh gà chen lấn làm vỡ trứng. Cửa vào ổ có sào đậu để gà nhảy lên ổ thuận tiện và cảm thấy an toàn. Cửa vào ổ không nên để lộ chiếu sáng trực tiếp mà có bóng râm để tạo sự hấp dẫn gà mái vì vậy thường không nên đặt ổ đẻ quay về hướng có nhiều ánh sáng của chuồng.

Cần tạo cho gà quen đẻ vào ổ, không đẻ vung vãi bẩn trứng. Nên dùng phoi bào khô sạch để lót ổ đẻ.

3.10. Thu nhặt và bảo quản trứng giống

- Trứng giống là vật thể sống cần được chăm sóc ở mỗi thời điểm của giai đoạn sản xuất: bao gồm thu, nhặt vận chuyển và bảo quản.

- Việc thu nhặt trứng được tiến hành thường xuyên 5 lần/ngày.

Sự phát triển của phôi bắt đầu từ 24°C do vậy trứng giống phải được làm mát dưới nhiệt độ này.

3.11. Phòng bảo quản trứng ấp

1. Nhiệt độ kiểm soát 13°C - 18°C
2. Độ ẩm kiểm soát: 75-80 A
3. Thời gian bảo quản: không quá 7 ngày
4. Tỷ lệ nở giảm sau 5 ngày và giảm nhiều sau 7 ngày bảo quản.

3.12. Ấp bóng của gà

Những trường hợp sau là nguyên nhân tạo cho gà ấp bóng:

- Nhiệt độ cao

- Thông gió kém
- Quá ít ổ đẻ
- Đẻ trứng dưới nền
- Không thường xuyên nhặt trứng trong ổ đẻ
- Chất lượng thức ăn kém
- Tiêu thụ thức ăn thấp
- Nước uống không hợp lý (quá xa...)

Có thể cai ấp bằng cách tách riêng gà ấp bóng, tăng cường dinh dưỡng và nước uống, chương trình chiếu sáng không thay đổi...

III. KỸ THUẬT NUÔI GÀ LƯƠNG PHƯỢNG CHĂN THẢ LẤY THỊT

Trong chăn nuôi gà chăn thả Lương Phượng lấy thịt việc chăm sóc, nuôi dưỡng, thoả mãn đầy đủ các nhu cầu sinh lý đòi hỏi phát triển cơ thể ở mỗi giai đoạn sẽ khai thác tối đa tiềm năng di truyền của giống, đạt khối lượng giết thịt càng sớm, càng tốt.

Gia cầm chăn thả nuôi lấy thịt được chia làm các giai đoạn: 0-4 tuần; 5-8 tuần; 9 tuần đến giết thịt. Nhu cầu dinh dưỡng cần như sau:

Bảng 10. Chế độ dinh dưỡng của gà Lương Phượng nuôi thịt

Giai đoạn Chỉ tiêu	0-4 tuần tuổi	5-8 tuần tuổi	9 tuần tuổi - giết thịt
Năng lượng (Kcal/kg)	2900	2950	2900-3000
Protein (%)	19	18	16
Năng lượng/Protein	147,3	158,33	181,25
Methionin (%)	0,42	0,39	0,38
Lyzin (%)	1,08	1,05	0,97
Canxi (%)	1,2	1,19	1,18
Phospho tổng số (%)	0,77	0,76	0,78
NaCl tổng số (%)	0,32	0,33	0,31

1. Chăm sóc nuôi dưỡng

- Chế độ chăm sóc, quản lý tương tự như nuôi gà Lương Phượng Hoa sinh sản.
- Gà được ăn tự do suốt ngày đêm (ăn càng nhiều càng tốt).

- Thời gian chiếu sáng 24/24 giờ (ban ngày dùng ánh sáng tự nhiên, đêm tắt sáng bằng bóng điện). Trong điều kiện thời tiết và nhiệt độ của môi trường thuận lợi (ấm áp, khô ráo) sau 3-4 tuần tuổi, nếu thời tiết lạnh dưới 20°C sau 5-6 tuần, có thể thả cho gà vận động, cơ săn chắc, khi giết mổ thịt không bị nhão.

2. Thức ăn

Khẩu phần ăn được cân đối đủ các chất dinh dưỡng đáp ứng cho nhu cầu phát triển trong giai đoạn nuôi. Thức ăn phối chế đa nguyên liệu, sử dụng đậm nguồn gốc từ động vật, thực vật, premix vitamin, khoáng vi lượng,....

Không dùng nguyên liệu bị nấm mốc, nhiễm độc tố aflatoxin, hoặc bột cá có hàm lượng muối cao.

Dùng đồ tương phải được rang chín gà mới tiêu hoá được, nếu sống gà ăn vào sẽ bị rối loạn tiêu hoá (bị ỉa chảy).

Bảng 11. Tự phối chế khẩu phần thức ăn nuôi gà Lương Phượng lấy thịt

Giai đoạn Nguyên liệu	0 - 4 tuần tuổi	5- 8 tuần tuổi	9 tuần tuổi - giết thịt
Ngô	46	51	59
Cám gạo	20	18,3	12,3
Bột cá loại I	6	6	4
Khô đỗ tương	14	11	12
Proconco C20	8	7	6
Bột cỏ	2	2	2
Premix vitamin	0,3	0,3	0,3
Premix khoáng	1	1,9	1,9
Bột xương	2,4	2,2	2,2
Methionin	0,2	0,2	0,2
Lyzin	0,1	0,1	0,1
Tổng	100	100	100
Năng lượng (Kcal/kg)	2900	2950	3100
Protein (%)	19-20	18	16
Năng lượng/Protein	147,37	158,33	181,25
Methionin (%)	0,42	0,39	0,38
Lyzin (%)	1,08	1,05	0,97
Canxi (%)	1,2	1,19	1,18
Phospho tổng số (%)	0,77	0,76	0,78
NaCl tổng số (%)	0,32	0,33	0,31

Bảng 12. Lịch phòng một số bệnh chính

Ngày tuổi	Thuốc và cách dùng
01	*Tiêm phòng vaccin Marek
1 - 4	Phòng bệnh đường ruột - hồ hấp bằng:
	- Cloramphenicol 0,2 g/lít nước
	- Tylosin 0,5 g/lít nước
	- Enzonofraxacine
	- Vitamin; Bcomplex, BiovitPlus
5	Vaccin Gumboro lần I (tùy theo loại vaccin)
7	Chủng đậu, nhỏ vaccin Lasota lần I
7 - 10	Phòng cầu trùng bằng Fuzazolidon: 250 g/tấn thức ăn (hoặc Esb3)
12 - 14	Vaccin Gumboro lần II (tùy theo loại vaccin)
18 - 20	Nhỏ Lasota lần II
21 - 22	Vaccin Gumboro lần III (tùy theo loại vaccin)
56 - 60	Tiêm vaccin Newcastle hệ I
70 - 80	*Phòng bệnh CRD bằng Tylosin
110 - 120	*Tẩy giun sán bằng Piperazin 5,5kg/tấn thức ăn
140	*Tiêm vaccin Newcastle hệ I lần II
210	*Phòng bệnh CRD bằng Tylosin

*** Áp dụng cho nuôi gà sinh sản**

MỤC LỤC

	Trang
Lời tác giả	5
I. Giới thiệu tóm tắt gà Lương Phượng Hoa	7
II. Kỹ thuật nuôi gà Lương Phượng Hoa sinh sản	8
1. Thực hiện biện pháp an toàn sinh học	8
1.1. Cùm vào cùm ra	8
1.2. Nhân viên	9
1.3. Chim hoang và chuột	10
1.4. Xây dựng chuồng trại	10
1.5. Chuẩn bị chuồng nuôi	10
1.6. Kinh nghiệm của người chăn nuôi	11
2. Kỹ thuật nuôi giai đoạn gà con, hậu bị (sơ sinh - 23 tuần tuổi)	12
2.1. Mục tiêu	12
2.2. Công tác chuẩn bị nhận gà	13
2.3. Úm gà	13
2.4. Yêu cầu nhiệt độ chuồng nuôi gột	13
2.5. Quay úm	16
2.6. Cho uống	16
2.7. Cho ăn	17
2.8. Thông gió	18
2.9. Mật độ đàn	18
2.10. Cường độ chiếu sáng	19
2.11. Cắt mỏ	20

2.12. Nước uống	20
2.13. Tổng quát chung về cho ăn	22
2.14. Trọng lượng và tuổi thành thực	24
2.15. Ảnh hưởng của nhiệt độ đến nhu cầu thức ăn	24
2.16. Thức ăn nuôi gà	26
2.17. Hướng dẫn cho ăn và kiểm soát khối lượng cơ thể	28
3. Kỹ thuật nuôi gà đẻ (từ 22-66 tuần tuổi)	29
3.1. Chuyển gà lên chuồng đẻ	29
3.2. Mật độ	30
3.3. Bố trí máng ăn, máng uống	30
3.4. Nước uống	31
3.5. Thức ăn	31
3.6. Khuyến cáo định lượng thức ăn/ ngày cho gà đẻ trứng	34
3.7. Tỷ lệ đẻ, năng suất trứng và tỷ lệ phôi gà	
Lương Phượng Hoa	35
3.8. Chăm sóc gà trống	38
3.9. Ổ đẻ	38
3.10. Thu nhặt và bảo quản trứng giống	39
3.11. Phòng bảo quản trứng ấp	39
3.12. Ấp bóng của gà	39

III. Kỹ thuật nuôi gà Lương Phượng chăn thả lấy thịt **40**

1. Chăm sóc nuôi dưỡng	41
2. Thức ăn	42

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

D14, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: (04) 8523887 - 8521940 - 8524501

FAX: (04) 5760748

CHI NHÁNH NXB NÔNG NGHIỆP

58 Nguyễn Bình Khiêm, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 8297157 - 8299521

FAX: (08) 9101036

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT NUÔI GÀ LƯƠNG PHƯỢNG HOA

Chịu trách nhiệm xuất bản

LÊ VĂN THỊNH

Biên tập, sửa chữa bản in

NGUYỄN BÍCH PHƯỢNG

Trình bày bìa

TOÀN LINH

In 2000 bản, khổ 13x19, tại Xưởng in Nhà xuất bản Nông nghiệp. Giấy phép xuất bản số 13/1028 do Cục Xuất bản cấp ngày 10/9/2002. In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2002.

hướng dẫn kt nuôi gà lương



63 - 636.5
- 13/1028 - 2002
NN - 2002

Giá: 5.000^d